

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18/01/2022

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Gia Khánh.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2021/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lã Thị O – sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt..

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vinh Q – sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt..

Chị O có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Lã Thị O trình bày: Chị và anh Nguyễn Vinh Q sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2015 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh Q tại xóm 1, xã Đ và hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp và vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng

nặng nề hơn. Do không chịu đựng được cuộc sống vợ chồng nên tháng 10 năm 2017 chị O đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở Y ở đồng thời anh chị sống ly thân nhau đó đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tiếp tục sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Vinh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 09 tháng 08 năm 2016, hiện cháu H đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh Q không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Vinh Q hiện đang cư trú tại xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Vinh Q và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Q thông qua bác ruột anh Q đang ở cùng nhà anh Q là ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ cho biết bản thân anh Q cũng đã biết việc chị O khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng do tính chất công việc anh Q làm công ty nên không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lã Thị O ly hôn anh Nguyễn Vinh Q.

- Về con chung: Giao cho chị Lã Thị O tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 09 tháng 08 năm 2016 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Vinh Q không phải cấp dưỡng đối với cháu H, anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Lã Thị O nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lã Thị O có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Vinh Q có nơi cư trú tại: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Vinh Q, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị O và anh Nguyễn Vinh Q có đăng ký kết hôn ngày 3 tháng 02 năm 2015 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không có kết quả. Thực tế chị O đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Q không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh Q không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện: Chị O và anh Q có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Y là quê của chị O. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh Q tại xóm 1, xã Đ được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được do địa phương không nhận được đơn thư hay yêu cầu gì từ phía gia đình chị O và anh Q. Qua theo dõi tìm hiểu tại cơ sở thì từ cuối năm 2017 đến nay thì chị O đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở của chị O ở xã Y để ở, không quay về Đ ở cùng với anh Q nữa. Nay chị O xin ly hôn anh Q Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh Q đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau bốn năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị O và anh Q có một con chung Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 09 tháng 08 năm 2016. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu H do chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị O có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu H và không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H. Về phía anh Q không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao cháu H cho chị O tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị O không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lã Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Lã Thị O và anh Nguyễn Vinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 09 tháng 08 năm 2016 cho chị Lã Thị O tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Vinh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Lã Thị O phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004417 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã Y, huyện K;
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**